

KẾT QUẢ MÔN HỌC GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH KHÓA 257

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGHỆ THUẬT, ĐẠI HỌC HUẾ

TT	Mã SV	Họ và Tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	CC	KTTX		QT	ĐT HP	TB HP1	CC	KTTX		QT	ĐT HP	TB HP2	CC	KT TX	TH	QT	ĐT HP	TB HP3	CC	KT TX	TH	QT	ĐT HP	TB HP4	TBC	Xếp loại	Ghi chú
								L1	L2					L1	L2																		
1	25N8020001	Nguyễn Thục Linh	Nữ	07/06/2007	Dà Nẵng	Đầu khố - 25	9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9	8.0	8.0	8.0	8.0	6.0	6.6	9.0	8.0	8.0	8.3	6.0	6.9	9.0	7.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.4	Khá	
2	25N8020002	Trương Văn Minh	Nam	15/08/2007	Quảng Trị	Đầu khố - 25	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.6	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	9.0	9.0	8.0	8.5	0.0	.	.		
3	25N8020003	Nguyễn Đình Ngọc	Nam	09/08/2005	Huế	Đầu khố - 25	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.2	8.0	7.8	9.0	8.0	8.0	8.3	6.0	6.9	9.0	9.0	8.0	8.5	9.0	8.8	7.6	Khá	
4	25N8010004	Trương Thị Hoàng Giang	Nữ	08/11/2007	Quảng Nam	Hội họa - 25	8.0	8.0	8.0	8.0	5.0	5.9	8.0	8.0	8.0	8.0	6.0	6.6	9.0	9.0	8.0	8.6	6.0	7.1	9.0	7.0	8.0	8.0	9.0	8.6	6.9	Trung bình	
5	25N8010005	Lê Thị Hồng Hạnh	Nữ	11/12/2007	Huế	Hội họa - 25	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.6	6.0	6.5	9.0	9.0	8.0	8.6	6.0	7.1	9.0	7.0	9.0	8.5	8.0	8.2	7.5	Khá	
6	25N8010006	Trần Võ Kiều Hương	Nữ	21/07/2007	Quảng Ngãi	Hội họa - 25	8.0	8.0	7.0	7.6	7.0	7.2	8.0	8.0	7.0	7.6	6.0	6.5	9.0	9.0	8.0	8.6	7.0	7.7	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	7.5	Khá	
7	25N8010009	Cao Thị Ngọc Thành	Nữ	02/01/2004	Nghệ An	Hội họa - 25	8.0	8.0	7.0	7.6	7.0	7.2	8.0	7.0	7.0	7.2	5.0	5.7	9.0	9.0	8.0	8.6	7.0	7.7	8.0	8.0	9.0	8.5	9.0	8.8	7.3	Khá	
8	25N8010011	Nguyễn Vũ	Nam	06/10/2002	Đắk Lắk	Hội họa - 25	8.0	8.0	8.0	8.0	6.0	6.6	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.3	9.0	9.0	9.0	9.0	6.0	7.2	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	7.2	Khá	
9	25N8030001	Nguyễn Võ Hà An	Nữ	13/03/2003	Huế	SP Mỹ thuật-25	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	10.0	9.0	9.0	9.3	9.0	9.1	9.0	7.0	9.0	8.5	9.0	8.8	8.5	Giỏi	
10	25N8030003	Hoàng Lâm Bảo Anh	Nữ	23/10/2006	Huế	SP Mỹ thuật-25	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	7.0	7.0	7.2	8.0	7.8	9.0	8.0	8.0	8.3	6.0	6.9	9.0	8.0	9.0	8.8	8.0	8.3	7.8	Khá	
11	25N8030006	Nguyễn Lan Anh	Nữ	22/05/2007	Đắk Lắk	SP Mỹ thuật-25	9.0	7.0	7.0	7.4	7.0	7.1	8.0	8.0	7.0	7.6	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.4	7.8	Khá	
12	25N8030007	Tạ Đình Diễm Quỳnh	Nữ	20/05/2007	Nghệ An	SP Mỹ thuật-25	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	7.0	7.0	7.2	8.0	7.8	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	8.0	Khá	
13	25N8030115	Trịnh Thị Hà Anh	Nữ	06/12/2007	Thanh Hóa	SP Mỹ thuật-25	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	8.0	7.0	8.0	7.6	8.0	7.9	9.0	8.0	9.0	8.6	9.0	8.9	9.0	9.0	8.0	8.5	9.0	8.8	7.9	Khá	
14	25N8030008	Trần Phạm Trúc Anh	Nữ	26/02/2006	Gia Lai	SP Mỹ thuật-25	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	8.0	7.0	7.0	7.2	8.0	7.8	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	9.0	8.0	9.0	8.8	8.0	8.3	8.0	Khá	
15	25N8030002	Đỗ Thị Trâm Anh	Nữ	07/03/2006	TP. HCM	SP Mỹ thuật-25	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	7.0	8.0	7.9	9.0	8.6	9.0	7.0	8.0	8.0	9.0	8.6	8.3	Khá	
16	25N8030004	Lê Hồng Anh	Nữ	03/12/2007	Huế	SP Mỹ thuật-25	8.0	8.0	7.0	7.6	8.0	7.9	8.0	7.0	7.0	7.2	7.0	7.1	9.0	5.0	8.0	7.1	8.0	7.7	9.0	8.0	9.0	8.8	9.0	8.9	7.9	Khá	
17	25N8030005	Lê Thị Phương Anh	Nữ	03/04/2007	Hà Tĩnh	SP Mỹ thuật-25	8.0	8.0	7.0	7.6	8.0	7.9	8.0	7.0	7.0	7.2	7.0	7.1	9.0	9.0	7.0	8.3	8.0	8.1	9.0	7.0	9.0	8.5	8.0	8.2	7.8	Khá	
18	25N8030009	Nguyễn Thị Minh Ánh	Nữ	17/10/2007	Quảng Ngãi	SP Mỹ thuật-25	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	8.0	7.0	7.6	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	8.4	Khá	
19	25N8030010	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	Nữ	10/01/2007	Hà Tĩnh	SP Mỹ thuật-25	9.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	8.7	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	9.0	9.0	9.0	9.0	6.0	7.2	8.0	Khá	
20	25N8030011	Trần Thị Nhật Ánh	Nữ	27/12/2007	Đồng Nai	SP Mỹ thuật-25	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	7.0	7.0	7.2	8.0	7.8	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.4	8.2	Khá	
21	25N8030012	Nguyễn Võ Gia Bảo	Nam	21/12/2007	Dà Nẵng	SP Mỹ thuật-25	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.6	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.4	7.7	Khá	
22	25N8030013	Nguyễn Hữu Bình	Nam	05/05/2007	Khánh Hòa	SP Mỹ thuật-25	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	8.0	9.0	8.4	7.0	7.4	9.0	10.0	8.0	9.0	8.0	8.4	9.0	7.0	8.0	8.0	9.0	8.6	8.1	Khá	
23	25N8030014	Nguyễn Hữu Quý Châu	Nữ	20/04/2007	Huế	SP Mỹ thuật-25	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.3	9.0	7.0	9.0	8.3	9.0	8.7	9.0	7.0	9.0	8.5	0.0	.	.		

TT	Mã SV	Họ và Tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	CC	KTTX		QT	ĐT	TB	CC	KTTX		QT	ĐT	TB	CC	KT	TH	QT	ĐT	TB	CC	KT	TH	QT	ĐT	TB	TBC	Xếp loại	Ghi chú
								L1	L2		HP	HP1		L1	L2		HP	HP2		TX			HP	HP3		TX			HP	HP4			
24	25N8030116	Nguyễn Quỳnh Chi	Nữ	06/10/2007	Nghệ An	SP Mỹ thuật-25	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	8.0	7.0	7.0	7.2	8.0	7.8	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	8.0	Khá	
25	25N8030117	Ngô Linh Đan	Nữ	29/07/2007	Thanh Hóa	SP Mỹ thuật-25	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	7.0	8.0	7.6	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.4	8.1	Khá	
26	25N8030015	Võ Thành Đạt	Nam	04/09/2007	Quảng Nam	SP Mỹ thuật-25	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	9.0	9.0	8.8	6.0	6.8	9.0	8.0	9.0	8.6	8.0	8.3	9.0	7.0	9.0	8.5	8.0	8.2	7.9	Khá	
27	25N8030016	Nguyễn Khánh Đoan	Nữ	19/10/2007	Quảng Ngãi	SP Mỹ thuật-25	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	9.0	8.0	9.0	8.8	9.0	8.9	8.3	Khá	
28	25N8030017	Hồ Thị Dung	Nữ	01/12/2007	Huế	SP Mỹ thuật-25	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	8.0	7.0	7.6	8.0	7.9	9.0	9.0	8.0	8.6	9.0	8.9	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	8.2	Khá	
29	25N8030018	Lê Như Quốc Dũng	Nam	12/09/2006	ĐAK Lak	SP Mỹ thuật-25	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	9.0	8.0	8.4	7.0	7.4	9.0	8.0	10.0	9.0	8.0	8.4	9.0	7.0	8.0	8.0	9.0	8.6	8.1	Khá	
30	25N8030019	Nguyễn Quốc Dũng	Nam	27/03/2007	Gia Lai	SP Mỹ thuật-25	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	9.0	8.0	8.4	7.0	7.4	10.0	9.0	9.0	9.3	8.0	8.5	9.0	7.0	8.0	8.0	6.0	6.8	7.7	Khá	
31	25N8030119	Mai Thuý Dương	Nữ	06/05/2007	Thanh Hóa	SP Mỹ thuật-25	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	8.0	7.0	7.6	9.0	8.6	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	8.0	9.0	9.0	8.8	6.0	7.1	8.0	Khá	
32	25N8030020	Trần Nguyễn Hà Giang	Nữ	25/03/2007	Bình Định	SP Mỹ thuật-25	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	7.0	7.0	7.2	8.0	7.8	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	9.0	8.0	9.0	8.8	9.0	8.9	8.2	Khá	
33	25N8030021	Nguyễn Xuân Giao	Nữ	04/02/2007	Huế	SP Mỹ thuật-25	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	7.0	7.0	7.2	8.0	7.8	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	8.2	Khá	
34	25N8030022	Võ Hoàng Hà	Nữ	18/06/2007	Quảng Trị	SP Mỹ thuật-25	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	8.4	Khá	
35	25N8030023	Nguyễn Chương Hải	Nam	08/10/2007	Quảng Ngãi	SP Mỹ thuật-25	10.0	8.0	8.0	8.4	8.0	8.1	9.0	8.0	9.0	8.6	6.0	6.8	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.4	10.0	8.0	8.0	8.5	5.0	6.4	7.5	Khá	
36	25N8030024	Bùi Ngọc Hân	Nữ	13/11/2007	Đà Nẵng	SP Mỹ thuật-25	9.0	7.0	7.0	7.4	8.0	7.8	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.4	8.1	Khá	
37	25N8030025	Châu Ngọc Bảo Hân	Nữ	05/03/2007	Đà Nẵng	SP Mỹ thuật-25	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	7.0	8.0	7.6	8.0	7.9	9.0	8.0	9.0	8.6	7.0	7.7	9.0	8.0	9.0	8.8	9.0	8.9	8.1	Khá	
38	25N8030026	Phan Diệp Hân	Nữ	11/06/2007	Đà Nẵng	SP Mỹ thuật-25	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.3	6.0	6.9	9.0	8.0	9.0	8.8	9.0	8.9	7.8	Khá	
39	25N8030027	Văn Khả Hân	Nam	02/06/2007	Thanh Hóa	SP Mỹ thuật-25	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.0	7.2	8.0	7.8	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	9.0	8.0	9.0	8.8	9.0	8.9	8.2	Khá	
40	25N8030029	Hồ Hồng Hạnh	Nữ	23/09/2007	Đà Nẵng	SP Mỹ thuật-25	8.0	8.0	7.0	7.6	8.0	7.9	8.0	8.0	7.0	7.6	6.0	6.5	9.0	7.0	8.0	7.9	8.0	8.0	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	7.8	Khá	
41	25N8030121	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Nữ	09/01/2007	Quảng Ngãi	SP Mỹ thuật-25	8.0	7.0	7.0	7.2	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.2	6.0	6.4	9.0	7.0	8.0	7.9	9.0	8.6	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.7	Khá	
42	25N8030030	Nguyễn Thúy Hòa	Nữ	19/12/2007	Quảng Ngãi	SP Mỹ thuật-25	9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9	8.0	8.0	7.0	7.6	8.0	7.9	9.0	9.0	8.0	8.6	9.0	8.9	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	8.2	Khá	
43	25N8030031	Nguyễn Lê Minh Hoàng	Nam	27/02/2007	Huế	SP Mỹ thuật-25	9.0	8.0	8.0	8.2	9.0	8.8	8.0	7.0	7.0	7.2	7.0	7.1	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	9.0	7.0	8.0	8.0	9.0	8.6	8.2	Khá	
44	25N8030032	La Gia Huy	Nam	16/08/2007	Quảng Bình	SP Mỹ thuật-25	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	8.0	7.0	7.6	7.0	7.2	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	9.0	7.0	8.0	8.0	9.0	8.6	8.0	Khá	
45	25N8030034	Lưu Khánh Huyền	Nữ	13/10/2007	Khánh Hòa	SP Mỹ thuật-25	9.0	7.0	7.0	7.4	6.0	6.4	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	9.0	9.0	9.0	9.0	7.0	7.8	7.5	Khá	
46	25N8030033	Hoàng Thị Thu Huyền	Nữ	24/10/2007	Hà Tĩnh	SP Mỹ thuật-25	8.0	8.0	7.0	7.6	8.0	7.9	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	6.0	9.0	7.9	9.0	8.6	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	8.1	Khá	
47	25N8030035	Nguyễn Thụy Khanh	Nữ	01/12/2007	Huế	SP Mỹ thuật-25	10.0	7.0	8.0	8.0	7.0	7.3	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	10.0	9.0	9.0	9.3	8.0	8.5	9.0	9.0	10.0	9.5	8.0	8.6	8.0	Khá	
48	25N8030036	Đinh Thị Hồng Lê	Nữ	13/01/2006	Quảng Ngãi	SP Mỹ thuật-25	8.0	7.0	7.0	7.2	8.0	7.8	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.3	9.0	7.0	8.0	7.9	9.0	8.6	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	8.0	Khá	
49	25N8030038	Hoàng Linh	Nữ	19/05/2007	Hà Tĩnh	SP Mỹ thuật-25	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	8.0	7.0	7.6	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	10.0	9.0	9.0	9.3	7.0	7.9	8.0	Khá	
50	25N8030124	Nguyễn Thùy Linh	Nữ	17/02/2007	Thanh Hóa	SP Mỹ thuật-25	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	8.0	7.0	7.0	7.2	8.0	7.8	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	9.0	8.0	9.0	8.8	9.0	8.9	7.8	Khá	
51	25N8030037	Chế Thị Khánh Linh	Nữ	11/04/2007	Huế	SP Mỹ thuật-25	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	8.0	7.0	7.6	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	8.4	Khá	
52	25N8030039	Hoàng Khánh Linh	Nữ	03/06/2007	Huế	SP Mỹ thuật-25	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	7.0	7.0	7.2	8.0	7.8	9.0	8.0	9.0	8.6	8.0	8.3	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	8.2	Khá	
53	25N8030040	Nguyễn Mỹ Linh	Nữ	28/11/2007	Huế	SP Mỹ thuật-25	8.0	7.0	7.0	7.2	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.2	6.0	6.4	9.0	9.0	9.0	9.0	7.0	7.8	9.0	7.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.5	Khá	

TT	Mã SV	Họ và Tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	CC	KTTX		QT	ĐT	TB	CC	KTTX		QT	ĐT	TB	CC	KT	TH	QT	ĐT	TB	CC	KT	TH	QT	ĐT	TB	TBC	Xếp loại	Ghi chú	
								L1	L2		HP	HP1		L1	L2		HP	HP2		TX		HP	HP3	TX		HP		HP4						
54	25N8030123	Nguyễn Linh	Linh	Nữ	12/04/2007	Nghệ An	SP Mỹ thuật-25	8.0	7.0	7.0	7.2	8.0	7.8	8.0	8.0	7.0	7.6	7.0	7.2	9.0	8.0	8.0	8.3	6.0	6.9	9.0	7.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.5	Khá	
55	25N8030041	Ngô Quý Thành	Long	Nam	13/07/2007	Huế	SP Mỹ thuật-25	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	7.0	7.0	7.2	6.0	6.4	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	9.0	7.0	8.0	8.0	9.0	8.6	7.8	Khá	
56	25N8030042	Nguyễn Lê A	Ly	Nữ	24/07/2007	Gia Lai	SP Mỹ thuật-25	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	8.0	6.0	7.0	6.8	8.0	7.6	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	9.0	8.0	9.0	8.8	5.0	6.5	7.5	Khá	
57	25N8030043	Trần Ngọc Ánh	Ly	Nữ	12/07/2007	Gia Lai	SP Mỹ thuật-25	10.0	8.0	8.0	8.4	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	10.0	8.0	9.0	8.9	5.0	6.6	9.0	9.0	10.0	9.5	8.0	8.6	7.9	Khá	
58	25N8030045	Nguyễn Thị Như	Minh	Nữ	27/02/2007	Đà Nẵng	SP Mỹ thuật-25	10.0	8.0	8.0	8.4	8.0	8.1	8.0	8.0	7.0	7.6	8.0	7.9	10.0	9.0	9.0	9.3	8.0	8.5	10.0	9.0	10.0	9.8	7.0	8.1	8.1	Khá	
59	25N8030044	Nguyễn Hữu Quang	Minh	Nam	13/05/2007	Đà Nẵng	SP Mỹ thuật-25	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.3	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	10.0	9.0	9.0	9.3	8.0	8.5	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.4	8.0	Khá	
60	25N8030046	Lê Thị Thảo	My	Nữ	07/12/2007	Quảng Ngãi	SP Mỹ thuật-25	8.0	8.0	7.0	7.6	8.0	7.9	8.0	8.0	7.0	7.6	8.0	7.9	9.0	7.0	9.0	8.3	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	8.1	Khá	
61	25N8030047	Nguyễn Ngọc Tuệ	Mỹ	Nữ	09/12/2007	Quảng Trị	SP Mỹ thuật-25	9.0	8.0	8.0	8.2	5.0	6.0	8.0	8.0	7.0	7.6	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.3	5.0	6.3	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.4	7.0	Khá	
62	25N8030048	Lâm Thị Ly	Na	Nữ	06/10/2007	Đà Nẵng	SP Mỹ thuật-25	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	8.0	9.0	8.6	7.0	7.7	9.0	8.0	9.0	8.8	9.0	8.9	8.1	Khá	
63	25N8030051	Phan Tôn Quỳnh	Ngân	Nữ	17/09/2007	Huế	SP Mỹ thuật-25	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	7.0	7.0	7.2	8.0	7.8	9.0	8.0	9.0	8.6	8.0	8.3	9.0	8.0	9.0	8.8	8.0	8.3	8.1	Khá	
64	25N8030050	Nguyễn Ngọc Bích	Ngân	Nữ	17/04/2007	Đắk Lắk	SP Mỹ thuật-25	8.0	7.0	8.0	7.6	7.0	7.2	8.0	8.0	7.0	7.6	6.0	6.5	9.0	9.0	8.0	8.6	7.0	7.7	9.0	8.0	9.0	8.8	8.0	8.3	7.4	Khá	
65	25N8030049	Hà Lê	Ngân	Nữ	22/06/2007	Quảng Trị	SP Mỹ thuật-25	8.0	8.0	7.0	7.6	8.0	7.9	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.3	9.0	7.0	9.0	8.3	6.0	6.9	9.0	8.0	8.0	8.3	10.0	9.3	7.8	Khá	
66	25N8030125	Võ Nguyễn Thanh	Ngọc	Nữ	30/11/2007	Quảng Ngãi	SP Mỹ thuật-25	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	8.0	7.0	7.6	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	10.0	9.0	8.0	8.8	8.0	8.3	8.1	Khá	
67	25N8030052	Lê Thị Hồng	Ngọc	Nữ	12/08/2007	Huế	SP Mỹ thuật-25	7.0	8.0	8.0	7.8	8.0	7.9	8.0	7.0	7.0	7.2	8.0	7.8	9.0	9.0	8.0	8.6	7.0	7.7	9.0	9.0	8.0	8.5	5.0	6.4	7.5	Khá	
68	25N8030053	Nguyễn Phương	Nguyễn	Nữ	07/09/2007	Quảng Ngãi	SP Mỹ thuật-25	8.0	7.0	7.0	7.2	8.0	7.8	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.3	9.0	7.0	8.0	7.9	8.0	8.0	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	7.9	Khá	
69	25N8030126	Phan Nguyễn Thu	Nguyễn	Nữ	03/04/2007	Đà Nẵng	SP Mỹ thuật-25	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	7.0	7.0	7.2	8.0	7.8	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	9.0	8.0	9.0	8.8	8.0	8.3	8.1	Khá	
70	25N8030054	Mai Xuân Thúc	Nha	Nữ	07/02/2007	Đà Nẵng	SP Mỹ thuật-25	8.0	8.0	7.0	7.6	7.0	7.2	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	9.0	9.0	8.0	8.5	0.0	.	.		
71	25N8030055	Phan Thị Thanh	Nhàn	Nữ	07/01/2007	Đắk Lắk	SP Mỹ thuật-25	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	8.0	7.0	7.6	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	9.0	8.0	9.0	8.8	7.0	7.7	8.1	Khá	
72	25N8030056	Hoàng Minh	Nhật	Nam	10/06/2007	Quảng Trị	SP Mỹ thuật-25	9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	9.0	7.0	8.0	8.0	9.0	8.6	8.1	Khá	
73	25N8030057	Đình Yên	Nhi	Nữ	24/09/2007	Quảng Ngãi	SP Mỹ thuật-25	9.0	6.0	8.0	7.4	7.0	7.1	8.0	7.0	8.0	7.6	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	9.0	8.0	8.0	8.3	0.0	.	.		
74	25N8030062	Phạm Yên	Nhi	Nữ	23/01/2007	Đắk Lắk	SP Mỹ thuật-25	10.0	7.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	10.0	9.0	9.0	9.3	7.0	7.9	10.0	9.0	10.0	9.8	9.0	9.3	8.3	Khá	
75	25N8030063	Trần Uyên	Nhi	Nữ	20/09/2007	Quảng Trị	SP Mỹ thuật-25	9.0	7.0	7.0	7.4	8.0	7.8	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.4	8.1	Khá	
76	25N8030059	Ngô Thị Lan	Nhi	Nữ	21/03/2006	Quảng Trị	SP Mỹ thuật-25	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	7.0	7.0	7.2	8.0	7.8	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	8.2	Khá	
77	25N8030058	Lê Thị Kim	Nhi	Nữ	02/11/2007	Quảng Nam	SP Mỹ thuật-25	8.0	7.0	7.0	7.2	8.0	7.8	8.0	8.0	7.0	7.6	8.0	7.9	9.0	7.0	8.0	7.9	8.0	8.0	9.0	8.0	9.0	8.8	8.0	8.3	7.9	Khá	
78	25N8030060	Nguyễn Phạm Yên	Nhi	Nữ	03/12/2007	Quảng Nam	SP Mỹ thuật-25	8.0	8.0	7.0	7.6	6.0	6.5	8.0	7.0	7.0	7.2	6.0	6.4	9.0	7.0	9.0	8.3	6.0	6.9	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	7.0	Khá	
79	25N8030061	Nguyễn Thị Ngọc	Nhi	Nữ	31/05/2007	Hà Tĩnh	SP Mỹ thuật-25	7.0	8.0	8.0	7.8	8.0	7.9	8.0	7.0	7.0	7.2	7.0	7.1	9.0	7.0	8.0	7.9	8.0	8.0	9.0	8.0	9.0	8.8	8.0	8.3	7.8	Khá	
80	25N8030064	Võ Hà	Nhi	Nữ	23/11/2007	Quảng Bình	SP Mỹ thuật-25	9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	10.0	7.0	9.0	8.5	7.0	7.6	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.4	7.7	Khá	
81	25N8030066	Huỳnh Thanh Quỳnh	Như	Nữ	05/11/2007	Đà Nẵng	SP Mỹ thuật-25	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	9.0	9.0	8.0	8.5	8.0	8.2	8.2	Khá	
82	25N8030067	Nguyễn Thị Hoàng	Như	Nữ	01/06/2007	Quảng Nam	SP Mỹ thuật-25	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	7.0	7.0	7.2	8.0	7.8	9.0	8.0	8.0	8.3	6.0	6.9	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	7.9	Khá	
83	25N8030065	Hồ Thị Quỳnh	Như	Nữ	04/07/2007	Nghệ An	SP Mỹ thuật-25	8.0	7.0	8.0	7.6	8.0	7.9	8.0	7.0	7.0	7.2	7.0	7.1	9.0	9.0	9.0	9.0	7.0	7.8	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	8.6	7.8	Khá	



TT	Mã SV	Họ và Tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	CC	KTTX		QT	ĐT HP	TB HP1	CC	KTTX		QT	ĐT HP	TB HP2	CC	KT TX	TH	QT	ĐT HP	TB HP3	CC	KT TX	TH	QT	ĐT HP	TB HP4	TBC	Xếp loại	Ghi chú	
								L1	L2					L1	L2																			
84	25NB030068	Phan Lê Quỳnh	Như	Nữ	22/01/2007	Huế	SP Mỹ thuật-25	8.0	7.0	7.0	7.2	8.0	7.8	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.3	9.0	9.0	8.0	8.6	7.0	7.7	9.0	7.0	8.0	8.0	8.0	7.7	Khá		
85	25NB030069	Lê Hoàng Minh Thuỳ	Niê	Nữ	24/04/2007	Đắk Lắk	SP Mỹ thuật-25	8.0	8.0	7.0	7.6	8.0	7.9	8.0	8.0	8.0	8.0	6.0	6.6	9.0	9.0	9.0	9.0	6.0	7.2	9.0	7.0	9.0	8.5	8.0	8.2	7.5	Khá	
86	25NB030070	Nguyễn Ngọc	Phong	Nam	13/03/2007	Nghệ An	SP Mỹ thuật-25	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	8.0	8.0	8.3	5.0	6.3	9.0	9.0	8.0	8.5	9.0	8.8	7.8	Khá		
87	25NB030071	Hồ Hoàng	Phúc	Nam	06/05/2007	Gia Lai	SP Mỹ thuật-25	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	9.0	8.0	7.0	7.8	0.0	.	.			
88	25NB030072	Đặng Hà	Phương	Nữ	22/12/2007	Huế	SP Mỹ thuật-25	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	8.0	7.0	7.6	8.0	7.9	9.0	8.0	9.0	8.6	8.0	8.3	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.4	8.1	Khá	
89	25NB030073	Mai Đan	Phương	Nữ	16/07/2006	Quảng Nam	SP Mỹ thuật-25	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	10.0	9.0	9.0	9.3	8.0	8.5	9.0	7.0	9.0	8.5	8.0	8.2	8.0	Khá	
90	25NB030074	Nguyễn Thị Minh	Phương	Nữ	23/11/2007	Quảng Ngãi	SP Mỹ thuật-25	8.0	8.0	7.0	7.6	8.0	7.9	8.0	8.0	7.0	7.6	8.0	7.9	9.0	7.0	8.0	7.9	7.0	7.4	9.0	8.0	9.0	8.8	8.0	8.3	7.9	Khá	
91	25NB030075	Nguyễn Thị Anh	Quý	Nữ	11/07/2007	Quảng Ngãi	SP Mỹ thuật-25	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	8.0	7.0	7.6	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	8.4	Khá	
92	25NB030078	Ngô Thái Thục	Quyên	Nữ	11/04/2007	Quảng Nam	SP Mỹ thuật-25	10.0	8.0	8.0	8.4	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	10.0	8.0	9.0	8.9	8.0	8.4	10.0	9.0	10.0	9.8	9.0	9.3	8.4	Khá	
93	25NB030077	Mai Thị	Quyên	Nữ	10/11/2007	Nghệ An	SP Mỹ thuật-25	8.0	8.0	7.0	7.6	8.0	7.9	8.0	7.0	7.0	7.2	7.0	7.1	9.0	7.0	8.0	7.9	5.0	6.2	9.0	8.0	9.0	8.8	9.0	8.9	7.5	Khá	
94	25NB030076	Đào Thị Lệ	Quyên	Nữ	04/09/2007	Đà Nẵng	SP Mỹ thuật-25	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.3	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.3	0.0	.	.			
95	25NB030080	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	Nữ	03/08/2007	Quảng Trị	SP Mỹ thuật-25	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	8.7	9.0	9.0	8.0	8.6	9.0	8.9	9.0	8.0	9.0	8.8	6.0	7.1	8.2	Khá	
96	25NB030079	Đỗ Ngọc Diễm	Quỳnh	Nữ	15/09/2007	Quảng Ngãi	SP Mỹ thuật-25	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.0	7.2	7.0	7.1	9.0	7.0	8.0	7.9	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	7.8	Khá	
97	25NB030081	Nguyễn Trần Như	Quỳnh	Nữ	02/01/2007	Nghệ An	SP Mỹ thuật-25	8.0	7.0	7.0	7.2	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.2	8.0	7.8	9.0	7.0	8.0	7.9	8.0	8.0	9.0	7.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.9	Khá	
98	25NB030082	Nguyễn Ngọc	Sơn	Nam	12/02/2006	Huế	SP Mỹ thuật-25	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	9.0	6.0	8.0	7.8	9.0	8.5	8.2	Khá		
99	25NB030083	Nguyễn Văn	Thái	Nam	30/04/2007	Quảng Trị	SP Mỹ thuật-25	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.3	9.0	8.0	9.0	8.6	8.0	8.3	9.0	7.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.9	Khá	
100	25NB030084	Trần Bá Quyết	Thắng	Nam	22/08/2007	Đà Nẵng	SP Mỹ thuật-25	9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9	8.0	8.0	8.0	8.0	6.0	6.6	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	9.0	7.0	8.0	8.0	9.0	8.6	7.7	Khá	
101	25NB030085	Hoàng Lê Nguyên	Thảo	Nữ	05/11/2007	Huế	SP Mỹ thuật-25	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	8.0	7.0	7.6	7.0	7.2	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	9.0	9.0	9.0	9.0	0.0	.	.		
102	25NB030086	Hồ Ngọc Anh	Thư	Nữ	22/05/2007	Huế	SP Mỹ thuật-25	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	7.0	7.0	7.2	8.0	7.8	9.0	8.0	8.0	8.3	5.0	6.3	9.0	8.0	9.0	8.8	8.0	8.3	7.7	Khá	
103	25NB030088	Nguyễn Thị Anh	Thư	Nữ	18/04/2007	Đà Nẵng	SP Mỹ thuật-25	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.6	7.0	7.2	9.0	9.0	8.0	8.6	7.0	7.7	9.0	7.0	8.0	8.0	9.0	8.6	7.9	Khá	
104	25NB030089	Nguyễn Thị Minh	Thư	Nữ	19/02/2007	Huế	SP Mỹ thuật-25	8.0	7.0	8.0	7.6	8.0	7.9	8.0	7.0	7.0	7.2	7.0	7.1	9.0	7.0	9.0	8.3	8.0	8.1	9.0	8.0	9.0	8.8	8.0	8.3	7.8	Khá	
105	25NB030087	Ngô Nhật Anh	Thư	Nữ	16/10/2007	Đà Nẵng	SP Mỹ thuật-25	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.3	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.4	9.0	9.0	8.0	8.5	5.0	6.4	7.5	Khá		
106	25NB030090	Nguyễn Hoàng Thùy	Tiên	Nữ	10/05/2007	TP. HCM	SP Mỹ thuật-25	9.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	8.0	8.0	7.0	7.6	6.0	6.5	9.0	9.0	8.0	8.6	7.0	7.7	9.0	7.0	8.0	8.0	9.0	8.6	7.7	Khá	
107	25NB030091	Phạm Nguyễn Thùy	Tiên	Nữ	30/04/2007	Gia Lai	SP Mỹ thuật-25	8.0	7.0	7.0	7.2	8.0	7.8	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	9.0	7.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	Khá	
108	25NB030092	Lê Quỳnh	Trâm	Nữ	11/08/2007	Quảng Trị	SP Mỹ thuật-25	8.0	7.0	7.0	7.2	7.0	7.1	8.0	8.0	8.0	8.0	6.0	6.6	9.0	7.0	9.0	8.3	5.0	6.3	9.0	8.0	8.0	8.3	0.0	.	.		
109	25NB030093	Võ Uyên	Trâm	Nữ	08/02/2007	Đắk Lắk	SP Mỹ thuật-25	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.3	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	9.0	7.0	8.0	8.0	9.0	8.6	8.0	Khá	
110	25NB030130	Phạm Thị Bảo	Trân	Nữ	04/09/2007	Đà Nẵng	SP Mỹ thuật-25	10.0	8.0	7.0	8.0	8.0	8.0	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	10.0	9.0	9.0	9.3	8.0	8.5	9.0	9.0	10.0	9.5	9.0	9.2	8.4	Khá	
111	25NB030094	Trần Hoàng Bảo	Trân	Nữ	12/08/2007	Huế	SP Mỹ thuật-25	8.0	7.0	7.0	7.2	8.0	7.8	8.0	8.0	8.0	8.0	6.0	6.6	9.0	8.0	9.0	8.6	7.0	7.7	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	7.6	Khá	
112	25NB030095	Trần Huyền	Trân	Nữ	18/11/2007	Huế	SP Mỹ thuật-25	9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	10.0	9.0	9.0	9.3	5.0	6.7	9.0	8.0	9.0	8.8	7.0	7.7	7.5	Khá	
113	25NB030132	Nguyễn Quỳnh	Trang	Nữ	31/08/2007	Đồng Nai	SP Mỹ thuật-25	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	8.0	7.0	7.6	8.0	7.9	9.0	8.0	9.0	8.6	9.0	8.9	9.0	9.0	9.0	9.0	7.0	7.8	8.1	Khá	

TT	Mã SV	Họ và Tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	CC	KTTX		QT	ĐT HP	TB HP1	CC	KTTX		QT	ĐT HP	TB HP2	CC	KT TX	TH	QT	ĐT HP	TB HP3	CC	KT TX	TH	QT	ĐT HP	TB HP4	TBC	Xếp loại	Ghi chú	
								L1	L2					L1	L2																			
114	25N8030096	Lê Hoàng Xuân	Trang	Nữ	27/02/2007	Huế	SP Mỹ thuật-25	8.0	7.0	7.0	7.2	8.0	7.8	8.0	8.0	7.0	6.0	6.5	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	7.8	Khá		
115	25N8030097	Trần Thị Huyền	Trang	Nữ	11/03/2007	Nghệ An	SP Mỹ thuật-25	10.0	8.0	8.0	8.4	8.0	8.1	9.0	9.0	9.0	7.0	7.6	10.0	9.0	9.0	9.3	8.0	8.5	10.0	8.0	8.0	8.5	9.0	8.8	8.2	Khá		
116	25N8030098	Trần Thị Thùy	Trang	Nữ	22/08/2007	Quảng Trị	SP Mỹ thuật-25	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	9.0	8.0	8.4	6.0	6.7	9.0	10.0	8.0	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	8.0	Khá	
117	25N8030099	Phạm Quỳnh	Trúc	Nữ	17/02/2007	Gia Lai	SP Mỹ thuật-25	9.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	8.0	8.0	7.0	7.6	8.0	7.9	9.0	9.0	8.0	8.6	7.0	7.7	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	8.1	Khá	
118	25N8030100	Nguyễn Hữu	Trung	Nam	04/12/2007	Đà Nẵng	SP Mỹ thuật-25	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	9.0	8.0	9.0	8.8	8.0	8.3	8.2	Khá		
119	25N8030101	Nguyễn Minh	Tú	Nữ	17/01/2007	ĐHK LK	SP Mỹ thuật-25	9.0	8.0	8.0	8.2	9.0	8.8	8.0	9.0	8.0	8.4	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	9.0	7.0	8.0	8.0	9.0	8.6	8.3	Khá	
120	25N8030102	Nguyễn Minh	Tuân	Nam	20/06/2007	Đức Càn	SP Mỹ thuật-25	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	7.0	7.0	7.2	6.0	6.4	9.0	8.0	9.0	8.6	8.0	8.3	9.0	7.0	8.0	8.0	9.0	8.6	7.8	Khá	
121	25N8030103	Trương Đình Anh	Tuấn	Nam	03/03/2007	Quảng Nam	SP Mỹ thuật-25	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	7.0	7.0	7.2	6.0	6.4	9.0	10.0	9.0	9.4	8.0	8.6	9.0	7.0	8.0	8.0	9.0	8.6	7.9	Khá	
122	25N8030104	Nguyễn Minh	Tuệ	Nữ	10/09/2007	Đà Nẵng	SP Mỹ thuật-25	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.3	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	9.0	7.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.9	Khá	
123	25N8030105	Nguyễn Thị Kim	Uyên	Nữ	09/05/2007	Đà Nẵng	SP Mỹ thuật-25	8.0	7.0	8.0	7.6	8.0	7.9	8.0	7.0	7.0	7.2	7.0	7.1	9.0	8.0	9.0	8.6	6.0	7.1	9.0	8.0	9.0	8.8	8.0	8.3	7.6	Khá	
124	25N8030106	Phạm Thị Phương	Uyên	Nữ	24/08/2005	Quảng Trị	SP Mỹ thuật-25	8.0	7.0	8.0	7.6	8.0	7.9	8.0	7.0	8.0	7.6	6.0	6.5	9.0	8.0	8.0	8.3	6.0	6.9	8.0	8.0	8.0	8.0	10.0	9.2	7.6	Khá	
125	25N8030107	Hồ Thị Khánh	Vân	Nữ	22/10/2007	Quảng Trị	SP Mỹ thuật-25	8.0	8.0	7.0	7.6	8.0	7.9	8.0	7.0	7.0	7.2	7.0	7.1	9.0	7.0	8.0	7.9	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	7.6	Khá	
126	25N8030108	Bùi Quang	Vinh	Nam	02/12/2007	Huế	SP Mỹ thuật-25	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.3	9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9	10.0	9.0	9.0	9.3	8.0	8.5	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	8.0	Khá	
127	25N8030111	Hồ Thị Tường	Vy	Nữ	20/07/2007	Quảng Trị	SP Mỹ thuật-25	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	8.0	7.0	7.0	7.2	8.0	7.8	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	9.0	8.0	9.0	8.8	5.0	6.5	7.4	Khá	
128	25N8030110	Dương Thị Hà	Vy	Nữ	23/07/2007	Quảng Trị	SP Mỹ thuật-25	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	9.0	8.0	8.6	9.0	8.9	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	8.2	Khá	
129	25N8030113	Nguyễn Ngọc Thanh	Vy	Nữ	02/05/2007	Gia Lai	SP Mỹ thuật-25	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.6	6.0	6.5	9.0	9.0	8.0	8.6	6.0	7.1	9.0	8.0	8.0	8.3	0.0	.	.		
130	25N8030114	Phạm Thị Kim	Yến	Nữ	17/02/2007	Quảng Ngãi	SP Mỹ thuật-25	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.3	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	9.0	7.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.9	Khá	
131	25N8060001	Nguyễn Thị Thúy	An	Nữ	04/11/2007	Huế	TKDH - 25	8.0	8.0	7.0	7.6	8.0	7.9	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.3	9.0	7.0	8.0	7.9	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	7.8	Khá	
132	25N8060004	Ngô Ngọc Tuấn	Anh	Nam	02/08/2007	Đà Nẵng	TKDH - 25	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	8.0	7.0	7.0	7.2	8.0	7.8	9.0	8.0	9.0	8.6	6.0	7.1	9.0	8.0	9.0	8.8	8.0	8.3	7.6	Khá	
133	25N8060002	Hắc Nữ Minh	Anh	Nữ	12/04/2007	Huế	TKDH - 25	8.0	7.0	7.0	7.2	7.0	7.1	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.3	9.0	5.0	9.0	7.5	7.0	7.2	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	8.6	7.5	Khá	
134	25N8060005	Nguyễn Trâm	Anh	Nữ	26/07/2007	Quảng Trị	TKDH - 25	8.0	8.0	7.0	7.6	8.0	7.9	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.3	9.0	6.0	8.0	7.5	8.0	7.8	9.0	8.0	8.0	8.3	5.0	6.3	7.4	Khá	
135	25N8060003	Lê Viết Lâm	Anh	Nữ	22/11/2007	Quảng Trị	TKDH - 25	9.0	8.0	8.0	8.2	2.0	.	8.0	8.0	7.0	7.6	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.3	6.0	6.9	9.0	7.0	8.0	8.0	9.0	8.6	.		
136	25N8060007	Nguyễn Huỳnh Ngọc	Ánh	Nữ	28/02/2007	Quảng Nam	TKDH - 25	9.0	7.0	7.0	7.4	7.0	7.1	8.0	8.0	7.0	7.6	6.0	6.5	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	7.3	Khá	
137	25N8060006	Ngô Thị Ngọc	Ánh	Nữ	03/04/2007	Lâm Đồng	TKDH - 25	8.0	7.0	7.0	7.2	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.2	7.0	7.1	9.0	5.0	9.0	7.5	8.0	7.8	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	8.6	7.8	Khá	
138	25N8060008	Võ Thị	Bình	Nữ	10/01/2006	Nghệ An	TKDH - 25	9.0	8.0	7.0	7.8	7.0	7.2	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	10.0	5.0	9.0	7.8	6.0	6.7	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.4	7.6	Khá	
139	25N8060009	Hoàng Đỗ Bảo	Châu	Nữ	18/11/2007	Quảng Trị	TKDH - 25	8.0	8.0	7.0	7.6	8.0	7.9	8.0	8.0	7.0	7.6	7.0	7.2	9.0	9.0	8.0	8.6	6.0	7.1	9.0	8.0	9.0	8.8	8.0	8.3	7.6	Khá	
140	25N8060011	Nguyễn Thị Bảo	Châu	Nữ	24/10/2006	Quảng Trị	TKDH - 25	8.0	8.0	8.0	8.0	5.0	5.9	8.0	7.0	7.0	7.2	7.0	7.1	9.0	5.0	9.0	7.5	6.0	6.6	9.0	8.0	9.0	8.8	7.0	7.7	6.7	Trung bình	
141	25N8060010	Mộng Đoàn Khánh	Châu	Nữ	26/06/2007	Huế	TKDH - 25	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	8.0	7.6	8.0	7.9	9.0	9.0	9.0	9.0	7.0	7.8	9.0	7.0	8.0	8.0	9.0	8.6	8.1	Khá	
142	25N8060109	Nguyễn Duy	Đức	Nam	19/02/2007	Thanh Hóa	TKDH - 25	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	7.0	7.0	7.2	8.0	7.8	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.4	8.2	Khá	
143	25N8060013	Huyền Tôn Nữ Hương	Giang	Nữ	17/11/2007	TP HCM	TKDH - 25	9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	10.0	9.0	9.0	9.3	8.0	8.5	8.0	7.0	8.0	7.8	9.0	8.5	8.2	Khá	

VÀ
NG TÂM
QUỐC PH
NHINH
IBOC
UẾ
ĐC H

TT	Mã SV	Họ và Tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	CC	KTTX		QT	ĐT	TB	CC	KTTX		QT	ĐT	TB	CC	KT	TH	QT	ĐT	TB	CC	KT	TH	QT	ĐT	TB	TBC	Xếp loại	Ghi chú	
								L1	L2		HP	HP1		L1	L2		HP	HP2		TX			HP	HP3		TX			HP	HP4				
144	25N8060013	Trần Thị Thúy	Hà	Nữ	19/08/2007	Huế	TKDH - 25	8.0	8.0	7.0	7.6	8.0	7.9	8.0	8.0	8.0	7.0	7.3	9.0	9.0	8.0	8.6	7.0	7.7	9.0	7.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.7	Khá		
145	25N8060014	Nguyễn Thị Diệu	Hà	Nữ	17/01/2006	Huế	TKDH - 25	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.6	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	9.0	9.0	8.0	8.5	7.0	7.6	8.0	Khá		
146	25N8060016	Lê Ngọc	Hải	Nam	20/05/2007	Huế	TKDH - 25	9.0	7.0	8.0	7.8	7.0	7.2	8.0	8.0	7.0	7.6	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	9.0	8.0	9.0	8.8	9.0	8.9	7.8	Khá	
147	25N8060017	Nguyễn Bảo	Hân	Nữ	14/10/2007	Huế	TKDH - 25	7.0	8.0	8.0	7.8	7.0	7.2	9.0	7.0	7.0	7.4	8.0	7.8	10.0	9.0	9.0	9.3	6.0	7.3	9.0	9.0	8.0	8.5	8.0	8.2	7.6	Khá	
148	25N8060019	Hòa Nguyễn Mỹ	Hiền	Nữ	05/08/2007	Gia Lai	TKDH - 25	8.0	8.0	7.0	7.6	8.0	7.9	8.0	7.0	7.0	7.2	7.0	7.1	9.0	9.0	8.0	8.6	7.0	7.7	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	7.6	Khá	
149	25N8060020	Văn Thị Diệu	Hiền	Nữ	12/11/2006	Huế	TKDH - 25	8.0	8.0	7.0	7.6	7.0	7.2	8.0	7.0	8.0	7.6	6.0	6.5	9.0	5.0	8.0	7.1	8.0	7.7	9.0	8.0	9.0	8.8	9.0	8.9	7.5	Khá	
150	25N8060018	Hồ Trần Trúc	Hiền	Nữ	15/03/2007	Đà Nẵng	TKDH - 25	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.3	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.4	9.0	7.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	Khá	
151	25N8060022	Tôn Thất Minh	Hiếu	Nam	03/06/2007	Huế	TKDH - 25	9.0	7.0	8.0	7.8	6.0	6.5	8.0	7.0	7.0	7.2	6.0	6.4	9.0	8.0	9.0	8.6	4.0		9.0	9.0	8.0	8.5	10.0	9.4			
152	25N8060023	Đỗ Thị Phương	Hòa	Nữ	09/07/2007	Đà Nẵng	TKDH - 25	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	8.0	8.0	8.0	6.0	6.6	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	9.0	7.0	8.0	8.0	9.0	8.6	7.9	Khá	
153	25N8060026	Nguyễn Thị Mai	Hương	Nữ	27/05/2006	Hà Tĩnh	TKDH - 25	7.0	9.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	9.0	8.0	8.6	7.0	7.7	9.0	9.0	8.0	8.5	0.0				
154	25N8060028	Lê Tư	Huy	Nam	12/11/2007	Đà Nẵng	TKDH - 25	9.0	7.0	7.0	7.4	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.2	6.0	6.4	9.0	9.0	8.0	8.6	7.0	7.7	9.0	7.0	8.0	8.0	9.0	8.6	7.4	Khá	
155	25N8060029	Phạm Trần Minh	Hy	Nam	15/07/2007	Khánh Hòa	TKDH - 25	10.0	7.0	8.0	8.0	7.0	7.3	9.0	7.0	6.0	7.0	8.0	7.7	10.0	8.0	8.0	8.5	7.0	7.6	10.0	9.0	10.0	9.8	8.0	8.7	7.8	Khá	
156	25N8060030	Lê Anh	Khang	Nam	09/11/2007	Gia Lai	TKDH - 25	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.6	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.4	8.0	Khá	
157	25N8060031	Hoàng Ngọc Mai	Khanh	Nữ	30/09/2007	Quảng Trị	TKDH - 25	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	8.0	7.0	7.6	7.0	7.2	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.4	7.9	Khá	
158	25N8060032	Lê Phạm Đăng	Khoa	Nam	23/08/2007	Huế	TKDH - 25	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	6.0	6.0	6.4	8.0	7.5	9.0	9.0	8.0	8.6	6.0	7.1	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.4	7.8	Khá	
159	25N8060033	Hoàng Phi Gia	Kiệt	Nam	11/11/2007	Huế	TKDH - 25	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	7.0	7.0	7.2	6.0	6.4	9.0	9.0	8.0	8.6	7.0	7.7	9.0	7.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.6	Khá	
160	25N8060034	Phạm Thúy	Lan	Nữ	07/11/2007	Huế	TKDH - 25	8.0	8.0	7.0	7.6	8.0	7.9	8.0	8.0	7.0	7.6	7.0	7.2	9.0	8.0	9.0	8.6	9.0	8.9	9.0	7.0	8.0	8.0	9.0	8.6	8.1	Khá	
161	25N8060036	Nguyễn Ngọc Thu	Linh	Nữ	11/12/2007	Huế	TKDH - 25	8.0	8.0	7.0	7.6	8.0	7.9	8.0	8.0	8.0	8.0	6.0	6.6	9.0	8.0	8.0	8.3	6.0	6.9	9.0	7.0	8.0	8.0	5.0	6.2	7.0	Khá	
162	25N8060037	Nguyễn Thị Xuân	Linh	Nữ	10/11/2007	Quảng Nam	TKDH - 25	8.0	8.0	7.0	7.6	8.0	7.9	8.0	8.0	8.0	8.0	6.0	6.6	9.0	9.0	9.0	9.0	6.0	7.2	9.0	7.0	9.0	8.5	8.0	8.2	7.5	Khá	
163	25N8060041	Huỳnh Thiên	Lý	Nữ	25/07/2007	Quảng Nam	TKDH - 25	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	7.0	7.0	7.2	8.0	7.8	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	9.0	9.0	8.0	8.5	8.0	8.2	8.1	Khá	
164	25N8060042	Nguyễn Viết Khải	Minh	Nam	14/04/2006	Huế	TKDH - 25	9.0	7.0	7.0	7.4	6.0	6.4	8.0	6.0	7.0	6.8	8.0	7.6	9.0	8.0	9.0	8.6	8.0	8.3	9.0	8.0	9.0	8.8	9.0	8.9	7.6	Khá	
165	25N8060043	Lê Nguyễn Trà	My	Nữ	01/08/2007	Huế	TKDH - 25	8.0	7.0	7.0	7.2	7.0	7.1	8.0	8.0	8.0	8.0	6.0	6.6	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	9.0	7.0	8.0	8.0	9.0	8.6	7.5	Khá	
166	25N8060044	Nguyễn Thị Út	Na	Nữ	29/09/2007	Quảng Nam	TKDH - 25	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.3	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.4	9.0	7.0	8.0	8.0	9.0	8.6	8.1	Khá	
167	25N8060045	Đặng Hồ Quỳnh	Nga	Nữ	09/01/2007	Nghệ An	TKDH - 25	9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	10.0	9.0	9.0	9.3	8.0	8.5	9.0	7.0	8.0	8.0	9.0	8.6	7.9	Khá	
168	25N8060046	Hồ Thị Hằng	Nga	Nữ	28/10/2007	Quảng Nam	TKDH - 25	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.3	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	8.0	7.0	9.0	8.3	9.0	8.7	8.1	Khá	
169	25N8060047	Đặng Ngọc Thuyết	Ngân	Nữ	12/01/2007	Huế	TKDH - 25	9.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.3	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.4	7.9	Khá	
170	25N8060049	Trương Hoàng Đông	Nghi	Nữ	30/09/2007	Huế	TKDH - 25	9.0	7.0	7.0	7.4	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.2	8.0	7.8	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	7.8	Khá	
171	25N8060051	Nguyễn Anh	Ngọc	Nữ	11/12/2007	Khánh Hòa	TKDH - 25	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	7.0	7.0	7.2	8.0	7.8	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	9.0	8.0	9.0	8.8	8.0	8.3	8.1	Khá	
172	25N8060053	Nguyễn Trần Bảo	Ngọc	Nữ	12/11/2007	Huế	TKDH - 25	9.0	7.0	8.0	7.8	7.0	7.2	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	8.0	8.0	8.3	6.0	6.9	9.0	9.0	9.0	9.0	7.0	7.8	7.5	Khá	
173	25N8060050	Mai Thanh	Ngọc	Nữ	15/03/2007	Quảng Nam	TKDH - 25	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	8.0	7.0	8.0	7.6	8.0	7.9	9.0	8.0	9.0	8.6	9.0	8.9	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.4	7.8	Khá	

TT	Mã SV	Họ và Tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	CC	KTTX		QT	ĐT HP	TB HP1	CC	KTTX		QT	ĐT HP	TB HP2	CC	KT TX	TH	QT	ĐT HP	TB HP3	CC	KT TX	TH	QT	ĐT HP	TB HP4	TBC	Xếp loại	Ghi chú	
								L1	L2					L1	L2																			
174	25N8060052	Nguyễn Bảo Ngọc	Nữ	07/07/2007	Huế	TKDH - 25	8.0	7.0	7.0	7.2	8.0	7.8	8.0	7.0	8.0	7.6	6.0	6.5	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	9.0	7.0	9.0	8.5	8.0	8.2	7.5	Khá		
175	25N8060054	Trần Y Nhã	Nữ	27/09/2007	Huế	TKDH - 25	8.0	7.0	7.0	7.2	7.0	7.1	8.0	7.0	8.0	7.6	6.0	6.5	9.0	8.0	9.0	8.6	8.0	8.3	9.0	7.0	8.0	8.0	9.0	8.6	7.5	Khá		
176	25N8060111	Trần Thị Phương Nhi	Nữ	28/03/2007	Huế	TKDH - 25	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	7.0	7.0	7.2	8.0	7.8	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	9.0	8.0	9.0	8.8	7.0	7.7	7.8	Khá		
177	25N8060059	Võ Bảo Nhi	Nữ	02/10/2007	Quảng Trị	TKDH - 25	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	8.0	8.0	7.0	7.6	8.0	7.9	9.0	8.0	9.0	8.6	9.0	8.9	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.4	8.0	Khá		
178	25N8060055	Huỳnh Trương Bảo Nhi	Nữ	15/03/2007	Quảng Nam	TKDH - 25	8.0	7.0	7.0	7.2	8.0	7.8	8.0	8.0	7.0	7.6	6.0	6.5	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	7.0	9.0	8.5	9.0	8.8	8.0	Khá	
179	25N8060058	Nguyễn Thị Khánh Nhi	Nữ	13/05/2007	Huế	TKDH - 25	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	7.0	7.0	7.2	8.0	7.8	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	9.0	7.0	8.0	8.0	6.0	6.8	7.8	Khá		
180	25N8060060	Đào Nguyễn An Ni	Nữ	07/05/2007	Quảng Trị	TKDH - 25	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.3	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	9.0	7.0	8.0	8.0	9.0	8.6	7.4	Khá		
181	25N8060068	Nguyễn Đoàn Uyên Phương	Nữ	10/08/2007	Huế	TKDH - 25	10.0	7.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	10.0	9.0	9.0	9.3	6.0	7.3	10.0	9.0	10.0	9.8	8.0	8.7	8.0	Khá		
182	25N8060066	Huỳnh Mai Phương	Nữ	01/10/2007	Đắk Nông	TKDH - 25	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	8.0	7.0	7.0	7.2	8.0	7.8	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.4	7.7	Khá		
183	25N8060065	Đinh Nữ Uyên Phương	Nữ	28/07/2007	Huế	TKDH - 25	8.0	7.0	7.0	7.2	8.0	7.8	8.0	8.0	8.0	8.0	6.0	6.6	9.0	8.0	8.0	8.3	6.0	6.9	9.0	7.0	8.0	8.0	0.0	.	.			
184	25N8060064	Đặng Nguyễn Hoàng Phương	Nữ	19/06/2007	Huế	TKDH - 25	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	9.0	8.0	8.4	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	9.0	7.0	8.0	8.0	9.0	8.6	8.1	Khá		
185	25N8060067	Lê Thị Hoàng Phương	Nữ	22/07/2007	Huế	TKDH - 25	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	9.0	9.0	8.8	7.0	7.5	9.0	9.0	8.0	8.6	7.0	7.7	9.0	7.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.8	Khá		
186	25N8060069	Nguyễn Thị Phương	Nữ	02/01/2007	Quảng Trị	TKDH - 25	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.3	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	9.0	7.0	8.0	8.0	9.0	8.6	8.1	Khá		
187	25N8060071	Phan Trần Duy Quang	Nam	04/07/2007	Huế	TKDH - 25	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.6	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	8.1	Khá		
188	25N8060074	Nguyễn Kim Tiền Thảo	Nữ	14/09/2006	Bà Rịa - Vũng Tàu	TKDH - 25	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	7.0	7.0	7.2	7.0	7.1	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.4	8.1	Khá		
189	25N8060075	Nguyễn Thị Phương Thảo	Nữ	06/04/2007	Huế	TKDH - 25	8.0	7.0	7.0	7.2	8.0	7.8	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.3	9.0	8.0	9.0	8.6	9.0	8.9	9.0	7.0	8.0	8.0	0.0	.	.			
190	25N8060073	Nguyễn Bình Phương Thảo	Nữ	07/01/2005	Quảng Trị	TKDH - 25	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.6	7.0	7.2	9.0	8.0	8.0	8.3	6.0	6.9	9.0	8.0	8.0	8.3	6.0	6.9	7.3	Khá		
191	25N8060077	Nguyễn Phạm Thị Anh Thư	Nữ	26/06/2007	Quảng Nam	TKDH - 25	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	8.0	9.0	8.6	6.0	7.1	9.0	8.0	9.0	8.8	8.0	8.3	7.9	Khá		
192	25N8060076	Lê Nguyễn Ngân Thư	Nữ	14/07/2007	Huế	TKDH - 25	10.0	8.0	8.0	8.4	8.0	8.1	9.0	9.0	9.0	9.0	7.0	7.6	10.0	9.0	9.0	9.3	7.0	7.9	10.0	7.0	8.0	8.3	6.0	6.9	7.7	Khá		
193	25N8060079	Nguyễn Thị Như Thường	Nữ	02/03/2007	Huế	TKDH - 25	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	9.0	8.0	8.4	8.0	8.1	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	9.0	7.0	8.0	8.0	9.0	8.6	8.2	Khá		
194	25N8060080	Tôn Nữ Phương Thùy	Nữ	08/08/2005	Huế	TKDH - 25	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.3	9.0	9.0	8.0	8.6	7.0	7.7	8.0	7.0	9.0	8.3	8.0	8.1	7.8	Khá		
195	25N8060081	Trần Văn Phước Toàn	Nam	20/10/2007	Quảng Trị	TKDH - 25	7.0	8.0	8.0	7.8	7.0	7.2	8.0	7.0	7.0	7.2	8.0	7.8	9.0	9.0	9.0	9.0	5.0	6.6	9.0	9.0	9.0	9.0	6.0	7.2	7.2	Khá		
196	25N8060082	Đoàn Thị Bảo Trâm	Nữ	05/11/2006	Huế	TKDH - 25	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	9.0	8.0	8.4	7.0	7.4	9.0	8.0	9.0	8.6	8.0	8.3	9.0	7.0	8.0	8.0	0.0	.	.			
197	25N8060083	Hồ Ngọc Anh Trâm	Nữ	19/06/2006	Huế	TKDH - 25	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	9.0	8.0	8.4	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	9.0	7.0	9.0	8.5	9.0	8.8	8.0	Khá		
198	25N8060084	Vũ Linh Thùy Trang	Nữ	14/07/2007	Quảng Ngãi	TKDH - 25	9.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	9.0	8.0	9.0	8.8	9.0	8.9	8.2	Khá		
199	25N8060085	Nguyễn Hữu Hải Trí	Nam	28/09/2007	Huế	TKDH - 25	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	8.0	8.0	8.0	6.0	6.6	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	9.0	7.0	8.0	8.0	9.0	8.6	7.9	Khá		
200	25N8060086	Nguyễn Thị Phương Trinh	Nữ	02/07/2007	Quảng Nam	TKDH - 25	9.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	8.0	8.0	7.0	7.6	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	8.3	Khá		
201	25N8060087	Nguyễn Trần Lan Trinh	Nữ	24/01/2007	Bà Rịa	TKDH - 25	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	8.0	8.0	8.0	6.0	6.6	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.4	9.0	8.0	8.0	8.3	0.0	.	.			
202	25N8060088	Nguyễn Văn Trọng	Nam	04/01/2007	Đà Nẵng	TKDH - 25	9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9	8.0	7.0	7.0	7.2	8.0	7.8	9.0	9.0	8.0	8.6	5.0	6.5	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.4	7.7	Khá		
203	25N8060089	Nguyễn Dương Thanh Trúc	Nữ	29/08/2007	Huế	TKDH - 25	9.0	7.0	7.0	7.4	8.0	7.8	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	10.0	8.0	9.0	8.9	8.0	8.4	9.0	7.0	8.0	8.0	9.0	8.6	8.2	Khá		

TT	Mã SV	Họ và Tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	CC	KTTX		QT	ĐT HP	TB HP1	CC	KTTX		QT	ĐT HP	TB HP2	CC	KT TX	TH QT	ĐT HP	TB HP3	CC	KT TX	TH QT	ĐT HP	TB HP4	TBC	Xếp loại	Ghi chú			
								L1	L2					L1	L2																			
204	25N8060090	Trần Quốc	Trung	Nam	23/11/2007	Huế	TKDH - 25	8.0	8.0	7.0	7.6	7.0	7.2	8.0	7.0	8.0	7.6	8.0	7.9	9.0	9.0	8.0	8.6	5.0	6.5	9.0	8.0	9.0	8.8	10.0	9.5	7.7	Khá	
205	25N8060091	Nguyễn Hoàng	Tuấn	Nam	15/04/2007	Đak Lak	TKDH - 25	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	8.0	8.0	8.0	6.0	6.6	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	9.0	7.0	8.0	8.0	7.0	7.4	7.6	Khá	
206	25N8060092	Đặng Nguyễn Cát	Tường	Nữ	13/11/2007	Huế	TKDH - 25	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.3	9.0	9.0	8.0	8.6	7.0	7.7	9.0	6.0	8.0	7.8	6.0	6.7	7.5	Khá	
207	25N8060093	Lê Thanh	Tuyền	Nữ	20/02/2007	Quảng Nam	TKDH - 25	9.0	7.0	8.0	7.8	7.0	7.2	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.3	9.0	8.0	9.0	8.6	7.0	7.7	9.0	8.0	9.0	8.8	9.0	8.9	7.7	Khá	
208	25N8060096	Phan Diễm Phương	Uyên	Nữ	21/05/2007	Huế	TKDH - 25	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	8.0	7.0	7.6	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	8.4	Khá	
209	25N8060112	Đỗ Ngọc Phương	Uyên	Nữ	28/08/2007	Huế	TKDH - 25	8.0	7.0	7.0	7.2	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.2	7.0	7.1	9.0	9.0	9.0	9.0	7.0	7.8	8.0	7.0	8.0	7.8	0.0	.	.		
210	25N8060094	Nguyễn Hoàng Bảo	Uyên	Nữ	22/10/2005	Huế	TKDH - 25	8.0	7.0	7.0	7.2	8.0	7.8	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	9.0	7.0	9.0	8.5	9.0	8.8	8.1	Khá	
211	25N8060095	Nguyễn Phan Tú	Uyên	Nữ	29/07/2007	Huế	TKDH - 25	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.0	7.2	8.0	7.8	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	8.0	Khá	
212	25N8060097	Nguyễn Khánh	Vân	Nữ	02/09/2007	Hà Tĩnh	TKDH - 25	8.0	7.0	7.0	7.2	8.0	7.8	8.0	7.0	8.0	7.6	7.0	7.2	9.0	9.0	8.0	8.6	9.0	8.9	9.0	7.0	8.0	8.0	7.0	7.4	7.8	Khá	
213	25N8060098	Nguyễn Lê	Văn	Nam	24/09/2006	Huế	TKDH - 25	10.0	7.0	7.0	7.6	8.0	7.9	8.0	8.0	8.0	8.0	6.0	6.6	10.0	9.0	9.0	9.3	7.0	7.9	10.0	7.0	8.0	8.3	9.0	8.7	7.8	Khá	
214	25N8060099	Trần Thái	Vĩ	Nam	22/05/2007	Huế	TKDH - 25	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.3	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	9.0	6.0	9.0	8.3	9.0	8.7	8.0	Khá	
215	25N8060101	Phạm Công	Việt	Nam	15/10/2007	Huế	TKDH - 25	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	6.0	6.0	6.4	8.0	7.5	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.4	8.2	Khá	
216	25N8060100	Đỗ Huy Ngọc	Việt	Nam	09/04/2007	Hà Tĩnh	TKDH - 25	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.3	8.0	8.0	7.0	7.6	8.0	7.9	9.0	9.0	8.0	8.6	6.0	7.1	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	7.6	Khá	
217	25N8060102	Trần Bùi Tuấn	Vũ	Nam	24/05/2007	Hà Tĩnh	TKDH - 25	8.0	8.0	8.0	8.0	6.0	6.6	8.0	8.0	7.0	7.6	7.0	7.2	9.0	8.0	8.0	8.3	5.0	6.3	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	7.1	Khá	
218	25N8060106	Võ Lưu Yến	Vy	Nữ	23/10/2007	Huế	TKDH - 25	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.6	7.0	7.2	9.0	9.0	8.0	8.6	7.0	7.7	9.0	8.0	9.0	8.8	7.0	7.7	7.7	Khá	
219	25N8060105	Phạm Trần Phương	Vy	Nữ	24/11/2007	Đà Nẵng	TKDH - 25	8.0	7.0	7.0	7.2	8.0	7.8	8.0	8.0	8.0	8.0	6.0	6.6	9.0	9.0	8.0	8.6	9.0	8.9	9.0	7.0	8.0	8.0	9.0	8.6	7.9	Khá	
220	25N8060103	Nguyễn Lê Thảo	Vy	Nữ	08/02/2007	Quảng Nam	TKDH - 25	8.0	7.0	7.0	7.2	8.0	7.8	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	5.0	9.0	7.5	5.0	6.0	9.0	7.0	9.0	8.5	9.0	8.8	7.7	Khá	
221	25N8060104	Nguyễn Thị Tường	Vy	Nữ	25/01/2007	Huế	TKDH - 25	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	8.0	8.0	8.0	6.0	6.6	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	9.0	8.0	9.0	8.8	9.0	8.9	8.0	Khá	
222	25N8060107	Lê Như	Ý	Nữ	09/08/2007	Huế	TKDH - 25	8.0	7.0	7.0	7.2	7.0	7.1	8.0	8.0	7.0	7.6	5.0	5.8	9.0	6.0	9.0	7.9	5.0	6.2	9.0	7.0	8.0	8.0	0.0	.	.		
223	25N8060108	Trần Nguyễn Như	Ý	Nữ	25/10/2007	Huế	TKDH - 25	8.0	8.0	7.0	7.6	7.0	7.2	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	5.0	8.0	7.1	5.0	5.9	9.0	7.0	9.0	8.5	9.0	8.8	7.4	Khá	
224	25N8040001	Nguyễn	Khanh	Nam	08/04/2007	Huế	TKNT - 25	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.3	8.0	7.0	7.0	7.2	8.0	7.8	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	9.0	9.0	8.0	8.5	9.0	8.8	7.9	Khá	
225	25N8040002	Nguyễn Thị Lê	Na	Nữ	02/04/2007	Quảng Nam	TKNT - 25	8.0	8.0	7.0	7.6	8.0	7.9	8.0	7.0	7.0	7.2	7.0	7.1	9.0	7.0	8.0	7.9	8.0	8.0	9.0	8.0	9.0	8.8	9.0	8.9	7.9	Khá	
226	25N8040003	Lê Nguyễn Đan	Phương	Nữ	14/03/2007	Huế	TKNT - 25	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.3	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	9.0	7.0	8.0	8.0	6.0	6.8	7.7	Khá	
227	25N8040004	Trương Đình	Quốc	Nam	30/04/2007	Huế	TKNT - 25	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.6	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	8.0	Khá	
228	25N8040007	Lê Phước	Trình	Nam	16/07/2007	Huế	TKNT - 25	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.3	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	9.0	8.0	9.0	8.8	6.0	7.1	7.6	Khá	
229	25N8070001	Ngô Thị Hoàng	Anh	Nữ	14/07/2006	Đà Nẵng	TKTT - 25	9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9	8.0	9.0	8.0	8.4	6.0	6.7	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	9.0	6.0	8.0	7.8	6.0	6.7	7.3	Khá	
230	25N8070002	Thái Bảo Tùng	Chi	Nữ	14/05/2007	Huế	TKTT - 25	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.0	7.2	7.0	7.1	9.0	8.0	9.0	8.6	6.0	7.1	9.0	8.0	8.0	8.3	5.0	6.3	7.2	Khá	
231	25N8070003	Võ Trần Thảo	My	Nữ	08/02/2006	Bình Định	TKTT - 25	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.3	9.0	8.0	8.0	8.3	5.0	6.3	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	7.2	Khá	
232	25N8070005	Nguyễn Trần Khánh	Nguyễn	Nữ	24/09/2007	Huế	TKTT - 25	9.0	8.0	8.0	8.2	9.0	8.8	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	8.0	9.0	8.6	6.0	7.1	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	8.2	Khá	
233	25N8070006	Phùng Trương An	Nhiên	Nữ	14/02/2007	Khánh Hòa	TKTT - 25	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.3	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	9.0	6.0	9.0	8.3	8.0	8.1	7.8	Khá	

TT	Mã SV	Họ và Tên	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	CC	KTTX		QT	ĐT HP	TB HP1	CC	KTTX		QT	ĐT HP	TB HP2	CC	KT TX	TH	QT	ĐT HP	TB HP3	CC	KT TX	TH	QT	ĐT HP	TB HP4	TBC	Xếp loại	Ghi chú	
								L1	L2					L1	L2																			
234	25N8070007	Nguyễn Thị Thu	Quỳnh	Nữ	11/08/2007	Huế	TKTT - 25	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.3	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	9.0	7.0	8.0	8.0	9.0	8.6	8.0	Khá	
235	25N8070008	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	Nữ	06/03/2007	Huế	TKTT - 25	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	9.0	8.0	8.4	7.0	7.4	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	8.1	Khá	
236	25N8070010	Nguyễn Thị	Trúc	Nữ	09/09/2007	Đà Nẵng	TKTT - 25	9.0	8.0	8.0	8.2	9.0	8.8	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	10.0	8.0	8.0	8.5	9.0	8.8	8.5	Giỏi	
237	25N8070011	Võ Minh Thiên	Ý	Nữ	02/01/2007	Huế	TKTT - 25	10.0	8.0	8.0	8.4	9.0	8.8	9.0	8.0	9.0	8.6	7.0	7.5	10.0	9.0	9.0	9.3	8.0	8.5	9.0	7.0	8.0	8.0	9.0	8.6	8.4	Khá	

Ấn định danh sách 237 sinh viên

Huế, ngày 10 tháng 7 năm 2026



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Xuân Thiện

TRƯỞNG PHÒNG ĐT, QLSV

Handwritten signature of Nguyễn Thanh Lạng

Nguyễn Thanh Lạng

CÁN BỘ VÀO ĐIỂM

Handwritten signature of Hoàng Thị Lý

Hoàng Thị Lý

TAG